

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-PT.

Ngày: 06/6/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung.

*Các thẩm phán:* Bà Đinh Thị Tuyết, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2022/TLPT-DS ngày 09/3/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2022/QĐPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Thái Thị Hồng Y. (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn L, thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Y S Êban và bà H B Ênuôl. (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn L, thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Duy H. (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn L, thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar thì nội dung vụ án như sau:

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị Hồng Y trình bày:*

Năm 2008 ông Nguyễn Duy H là chồng cũ của bà Thái Thị Hồng Y trước

đây đã hợp đồng xây dựng cho gia đình ông Y S Êban và bà H B Ênuôl căn nhà xây cấp 4 với tổng giá trị công trình 322.000.000 đồng. Phương thức thanh toán: trả nợ trong 03 năm, nếu sau 03 năm không trả hết thì phải chịu lãi 1,5%/tháng. Sau khi ly hôn giữa ông H và bà Y thỏa thuận bà Y được thu hồi khoản tiền nợ của gia đình ông Y S (A Ma B).

Tính đến năm 2017 gia đình ông Y S mới trả cho bà Y được 262.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 60.000.000 đồng, vợ chồng ông Y S cam kết chịu lãi suất 1,5%/tháng. Đã nhiều lần bà Y yêu cầu vợ chồng ông Y S phải trả khoản tiền trên, tuy nhiên vợ chồng ông Y S không thực hiện. Do đó, bà Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y S phải trả 60.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 1,5%/tháng tính từ tháng 01/2017 đến nay.

*\* Tại bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bị đơn ông Y S Êban, bà H'B Ênuôl trình bày:*

Năm 2008 ông Y S và bà H'B hợp đồng với ông Nguyễn Duy H là chồng cũ của bà Thái Thị Hồng Y xây dựng căn nhà cấp 4, mái thái diện tích 120m<sup>2</sup> (quy cách theo hợp đồng xây dựng nhà ở dân dụng), tổng giá trị công trình 322.000.000 đồng, phương thức thanh toán: trả trong vòng 03 năm vào các thời điểm tháng 12/2009; tháng 12/2010; tháng 12/2011, quá thời hạn thì phải chịu lãi suất 1,5%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vào khoảng tháng 01/2010 căn nhà được làm xong và gia đình ông Y S đã nhận nhà để sử dụng, khi nhận nhà hai bên không lập biên bản nghiệm thu công trình, không tiến hành lập biên bản bàn giao nhà, không tiến hành thanh lý hợp đồng xây dựng nhà ở dân dụng.

Về việc thanh toán hợp đồng: Từ năm 2009 đến năm 2017 vợ chồng ông Y S đã trả cho bà Y số tiền 282.000.000 đồng gốc và 72.500.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 01/01/2017 vợ chồng ông Y S còn nợ bà Y 60.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi.

Về chất lượng công trình: Sau khi nhận bàn giao và trong quá trình sử dụng căn nhà đến năm 2010 căn nhà đã bị lún, nứt nhiều chỗ, những lần bà Y đến lấy tiền, vợ chồng ông Y S đều yêu cầu bà Y sửa chữa nhưng bà Y không thực hiện.

Việc bà Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y S phải trả khoản tiền còn nợ là 60.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 01/01/2017 đến nay, ông bà chỉ đồng ý trả tiền gốc với điều kiện bà Y phải sửa chữa lại căn nhà cho gia đình ông bà, gia cố tất cả các chỗ nứt, lún và thấm. Nếu trường hợp bà Y không sửa chữa thì vợ chồng ông Y S không đồng ý trả khoản tiền này mà sẽ dùng số tiền này để tự sửa chữa, gia cố căn nhà.

*Tại bản án sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 147; Điều 157; Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, 2 Điều 218; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 422; khoản 2 Điều 357; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hồng Y.

Buộc ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị Hồng Y số tiền 114.510.000 đồng (*Một trăm mười bốn triệu năm trăm mười nghìn đồng*), trong đó 60.000.000 đồng nợ gốc và 54.510.000 đồng lãi suất.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl về việc yêu cầu bà Thái Thị Hồng Y phải sửa chữa, gia cố lại phần bị nứt của căn nhà ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl.

Hậu quả của việc đình chỉ: Người yêu cầu phản tố có quyền khởi kiện lại do yêu cầu bị đình chỉ.

*“.... kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/01/2022, ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét theo hướng tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao trả hồ sơ điều tra, xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl là không có căn cứ, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về tố tụng: Ngày 18/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar tuyên án. Ngày 27/01/2022 bị đơn đã thực hiện quyền kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 272, khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo hợp đồng xây dựng nhà ở dân dụng ngày 09/4/2008 được ký giữa ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl (bên A) và ông Nguyễn Duy H (bên B), có nội dung: bên A giao cho bên B thi công xây dựng công trình nhà ở. Hình thức kiểu mái thái. Diện tích xây dựng 120m<sup>2</sup>. Đơn giá khoán trọn gói cho công trình là 2.600.000 đồng/m<sup>2</sup> (*Hai triệu sáu trăm ngàn đồng cho một mét vuông xây dựng*), bao gồm vật liệu xây dựng, công lao động, vật tư thiết bị điện, công lắp đặt. Thời gian thi công tháng 05/2008. Phương thức thanh toán: bên A đưa trước cho bên B số tiền 60.000.000 đồng. Còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B vào các thời điểm tháng 12/2009, tháng 12/2010, tháng 12/2011, ngoài các thời gian nói trên mà đến tháng 12/2011 chưa thanh toán hết sẽ chuyển sang tháng 12/2012 nhưng phải chịu lãi suất 1,5%. Như vậy, theo thỏa thuận trong hợp đồng giá trị công trình mà bên A phải thanh toán cho bên B là 312.000.000 đồng (120m<sup>2</sup> x 2.600.000 đồng/m<sup>2</sup>), bên B chịu trách nhiệm thi công trọn gói công trình. Tại Điều 4 của hợp đồng có thỏa thuận khi phát sinh thêm hay thay đổi về kết cấu, chất liệu xây dựng thì hai bên gặp nhau để bàn bạc giải quyết, tại phần cuối hợp đồng có bổ sung các hạng mục công trình làm thêm và được hai bên xác nhận lại tổng số tiền xây dựng nhà và lan can Inox là 322.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị của hợp đồng là 322.000.000 đồng, bên A phải có nghĩa vụ thanh toán cho bên B tổng cộng 03 đợt với tổng số tiền còn lại của hợp đồng sau khi đã trừ khoản tiền ứng trước là 60.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm hai bên đều xác định tính đến ngày 01/01/2017 thì bên A còn nợ bên B số tiền 60.000.000 đồng.

Trong hợp đồng xây dựng hai bên không thỏa thuận các vấn đề liên quan đến thời gian thi công xây dựng công trình, việc bàn giao, nghiệm thu công trình và các nội dung, thời hạn bảo hành công trình theo quy định tại các Điều 80, Điều 81, Điều 82 Luật xây dựng 2003. Tuy nhiên, trên thực tế gia đình ông Y S, bà H'B đã nhận bàn giao căn nhà và đưa vào sử dụng từ năm 2010, theo lời trình bày của vợ chồng ông Y S thì trong quá trình sử dụng căn nhà được khoảng 02 năm (tức đến năm 2012) thì công trình bị nứt móng, nứt tường, thấm, dột nhiều chỗ, gia đình có đến nhắc khắc phục và những lần bà Y (vợ ông H) đến lấy tiền thì vợ chồng ông Y S đều yêu cầu bà Y sửa chữa nhưng bà Y không thực hiện. Nhưng việc yêu cầu sửa chữa không được lập thành biên bản, vợ chồng ông Y S không khiếu nại, không yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến công trình xây dựng nhà ở giữa vợ chồng ông Y S và ông H, bà Y. Mà vợ chồng ông Y S vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền công trình cho bà Y đến ngày 01/01/2017 thì không tiếp tục thực hiện việc thanh toán nữa. Như vậy, vợ chồng ông Y S chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán của mình. Mặt khác, hai bên đều thừa nhận nếu không thực hiện đúng thời hạn thanh toán thì

bên A phải chịu mức lãi suất 1,5%/tháng đối với số nợ gốc chưa thanh toán, xét mức lãi suất thỏa thuận này phù hợp với Bộ luật Dân sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl trả cho bà Y số tiền còn lại 60.000.000 đồng nợ gốc và 54.510.000 đồng nợ lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 18/01/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Y S cho rằng chỉ được nhận văn bản tố tụng một lần vào ngày 14/01/2022 nhưng thẩm phán cho ký 02 biên bản giao nhận và được thông báo vụ án được xét xử vào ngày 18/01/2022, vì nghĩ đây là phiên tòa lần thứ nhất nên không tham dự, nhưng ông bà không có chứng cứ chứng minh. Sau khi Tòa án xét xử, gia đình ông nhận được bản án mới biết vụ án đã được Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là xâm phạm đến quyền, lợi ích của gia đình ông bà. Tuy nhiên, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại biên bản giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử thể hiện ông Y S đã được nhận trực tiếp Quyết định vào ngày 20/12/2021 tại nhà ông Y S. Ngày 07/01/2022 do nguyên đơn bà Y có đơn xin hoãn phiên tòa và bị đơn vợ chồng ông Y S vắng mặt nên HĐXX sơ thẩm đã ban hành quyết định hoãn phiên tòa số 02, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 18/01/2022. Đến ngày 14/01/2022 tại nhà buôn trưởng buôn L, thị trấn P, huyện M Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã giao quyết định hoãn phiên tòa cho ông Y S.

Như vậy, các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đều được tổng đạt hợp lệ, đảm bảo quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự nhưng vợ chồng ông Y S đều vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện phản tố ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl là có căn cứ. Đối với yêu cầu phản tố này vợ chồng Y S được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã được Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar chi trả theo quy định, có danh sách chi tiền trong hồ sơ vụ án (Bút lục 81a).

Từ những phân tích, nhận định trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Về án phí: Ông Y S Êban và bà H'B Ênuôl mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0007956 ngày 07/02/2022.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Cư M'gar;
- Chi cục THADS H. Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Nhung**